LEAFSEAL

Green Material. Green Life

HÓA CHẤT XÂY DỰNG

Các nhóm sản phẩm LEAFSEAL:

- **LeafSeal WP** - nhóm sản phẩm chống thấm
- **LeafSeal TATG** - nhóm sản phẩm keo ốp lát chà ron
- **LeafSeal AD** - nhóm sản phẩm phụ gia xây dựng
- **LeafSeal BC** - nhóm sản phẩm hóa chất xây dựng cơ bản
- **LeafSeal F** - nhóm sản phẩm sàn hoàn thiện

Catalogue Hóa chất xây dựng

LEAFSEAL

CONSTRUCTION CHEMICAL PRODUCTS

Phạm vi áp dụng các sản phẩm LEAFSEAL

Hóa chất LeafSeal được ứng dụng rộng rãi trong mọi công tác thi công của công trình xây dựng, góp phần mang lại chất lượng lâu bền với thời gian.

Màng chống thấm gốc Polyurethane
Màng chống thấm gốc Polyurea lạnh

LeafSeal WP610
LeafSeal WP710

Bột chà ron màu cho gạch và đá

LeafSeal TG020 & TG021

Keo dán gạch / gốc polymer cải tiến

LeafSeal TA001 Neo, TA001A TA002 Neo & TA002-S1

Hợp chất chống thấm thẩm thấu kết tinh

LeafSeal WP503

Bộ sản phẩm sơn Epoxy

LeafSeal F210
LeafSeal F310
LeafSeal F410

Màng chống thấm gốc xi măng

LeafSeal WP500
LeafSeal WP502
LeafSeal WP502 Plus

Vữa bù co ngót sử dụng cho khung cửa nhôm

LeafSeal BC030

Vữa sửa chữa bề mặt và bảo vệ cốt thép

LeafSeal BC014,
BC014 Primer

Bột bả tường trong và ngoài nhà

LeafSeal BC016 IN
LeafSeal BC016W

Vữa bù co ngót

LeafSeal BC010, BC010A,
BC011, BC012

Chất tăng cứng bề mặt

LeafSeal F600,
F601, F603

Màng chống thấm gốc Polyurethane

LEAFSEAL WP610

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal WP610 là sản phẩm chống thấm tạo màng siêu đàn hồi gốc Polyurethane một thành phần không chứa nhựa than đá, tạo màng nhờ phản ứng với hơi ẩm trong không khí.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Chống thấm cho các hạng mục ngoài trời: sàn mái, landscape, sàn của khối Podium, tường chắn đất...

THỜI HẠN VÀ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

12 tháng

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Độ giãn dài đến kéo đứt

>500%

Độ bám dính với bê tông (có lớp lót)

≥1.0 N/mm²

Khả năng che phủ vết nứt

>1.7mm

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Chuẩn bị bề mặt: Làm sạch bề mặt bằng phương pháp mài, đảm bảo bê tông rắn chắc và không có các khuyết tật, bụi bẩn.

Pha trộn: Dùng máy trộn cầm tay trộn đến khi hỗn hợp đạt được độ đồng nhất. (**Lưu ý**: Không pha thêm bất kỳ thành phần nào trong quá trình trộn).

Thi công lớp lót: để đảm bảo tăng độ bám dính tốt với mặt nền. Gia cố lưới cho vị trí chân tường: polyeste kích thước 150mm.

Lăn hoàn thiện bằng rulô hai lớp theo phương vuông góc nhau hoặc **phun bằng máy** định mức 0.6 kg/m²/lớp.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Cường độ kéo	≥ 1.8 N/mm² (ASTM D412 – 16)
Độ giãn dài đến kéo đứt	> 500 % (ASTM D412 – 16)
Che phủ vết nứt	> 1.7mm (BS EN 14891 : 2012)
Nhiệt độ thi công	5°C - 45°C
Độ kín nước 3 Bar, 72 giờ	Không thấm nước
Cường độ bám dính trên bề mặt bê tông	≥ 1.0 N/mm² (ASTM D7234 : 12)
Thời gian thi công lớp kế tiếp ở 23°C, RH 55%	≤ 6 giờ
Thời gian khô mặt ở 23°C, RH 55% /lớp	≤ 12 giờ
Thời gian khô hoàn toàn ở 23°C, RH 55% /lớp	Khoảng 24 giờ

Màng chống thấm gốc Polyurea lạnh

LEAFSEAL WP710

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal WP710 là lớp phủ Poluyrea dạng quét lạnh có tính năng siêu bền, dạng lỏng, 2 thành phần, lưu hóa nhanh. Nó cung cấp độ bám dính và độ kháng xé tuyệt vời cho bề mặt yêu cầu chống thấm với độ bền cao chống tia UV.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Chống thấm cho các hạng mục ngoài trời: sàn mái, landscape, bồn hoa, bể nước...

THỜI HẠN VÀ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

12 tháng

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Độ giãn dài đến kéo đứt

>550%

Độ bám dính với bê tông (có lớp lót)

≥1.5 N/mm²

Khả năng che phủ vết nứt

>2.0mm

Cường độ kéo đứt

≥ 8MPa

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Chuẩn bị bề mặt: Làm sạch bề mặt bằng phương pháp mài, phun áp lực đảm bảo bê tông rắn chắc và không có các khuyết tật, bụi bẩn.

Cho từ từ thành phần B vào thành phần A và dùng máy trộn cầm tay trộn đến khi hỗn hợp đồng nhất.
Lưu ý: Phải lắc đều mỗi thành phần A và B trước khi trộn.

Thi công lớp lót: để đảm bảo tăng độ bám dính tốt với mặt nền.

Lăn hoàn thiện bằng rulô hai lớp theo phương vuông góc nhau hoặc **phun bằng máy** định mức 0.6 kg/m²/lớp.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Cường độ kéo	≥ 8 N/mm² (ASTM D412 – 16)
Độ giãn dài	> 550 % (ASTM D412 – 16)
Che phủ vết nứt	> 2.0mm (BS EN 14891 : 2012)
Nhiệt độ thi công	5°C - 45°C
Cường độ kháng xé	35kN/m (ASTM D2624)
Cường độ bám dính trên bề mặt bê tông	≥ 1.5 N/mm² hoặc phá hủy bê tông (ASTM D7234 :12)
Thời gian thi công lớp kế tiếp ở 23°C, RH 55%	≤ 6 giờ
Thời gian khô mặt ở 23°C, RH 55% /lớp	≤ 12 giờ
Thời gian khô hoàn toàn ở 23°C, RH 55% /lớp	Khoảng 24 giờ

Màng chống thấm gốc xi măng

LEAFSEAL WP500; WP502, WP502 PLUS

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal WP502 là hợp chất chống thấm 2 thành phần gốc xi măng – polymer có tính đàn hồi cao, hoàn hảo để ứng dụng chống thấm cho các hạng mục ẩm ướt trong nhà.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Chống thấm nhà vệ sinh, ban công...
- Chống thấm bể chứa nước sạch, hồ bơi, hồ tiểu cảnh và bồn hoa.

THỜI HẠN VÀ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

12 tháng

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

	Độ giãn dài đến kéo đứt	Độ bám dính với bê tông
WP500	Không đề cập	≥ 1.0N/mm^2
WP502	≥80%	≥0.5N/mm^2
WP502 Plus	≥150%	≥1.0N/mm^2

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Chuẩn bị bề mặt: bề mặt phải được mài sạch và vệ sinh sạch bụi, tạo ẩm trước khi thi công.

Pha trộn: Cho thành phần lỏng vào thùng trước, rồi từ từ cho thành phần bột vào. Trộn trong vòng 3 phút cho tới khi hỗn hợp đồng nhất.

Gia cố lưới cho vị trí chân tường: lưới polyeste kích thước 150mm.

Sử dụng ru lô lăn bề mặt sàn: lăn hai lớp theo phương vuông góc nhau, định mức 0.8kg/lớp/m^2.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

	WP500	WP502	WP502 Plus
Cường độ chịu kéo (ASTM D412)	-	>0.9 N/mm^2	≥ 1.2N/mm^2
Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện tiêu chuẩn (BS EN 14891)	-	>0.8mm	≥ 1.0mm
Độ giãn dài (ASTM D412)	-	>80%	≥ 150%
Thời gian khô bề mặt	Trong 2 giờ	Trong 2 giờ	Trong 2 giờ
Cường độ bám dính trên nền bê tông	≥ 1.0N/mm^2	>0.5N/mm^2	≥ 1.0N/mm^2
Độ thấm nước dưới áp lực thủy tinh 1.5 Bar trong 7 ngày	Không thấm	Không thấm	Không thấm

Hợp chất chống thấm thẩm thấu kết tinh
LEAFSEAL WP503

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal WP503 là sản phẩm chống thấm thẩm thấu gốc xi măng một thành phần có tác dụng thẩm thấu vào bê tông, tạo phản ứng kết tinh che phủ vết nứt không quá 0.4mm.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Chống thấm thuận và nghịch cho các hạng mục ngầm: tường vây, sàn đáy, hố pít, hố ga.
- Chống thấm mặt ngoài bể nước, mặt ngoài mương, mương cáp...

THỜI HẠN VÀ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

12 tháng

1.6kg/m²/2 lớp

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Che phủ vết nứt

≤ 0.4mm

Áp lực thủy tĩnh không thẩm thấu

5 Bar trong 72h

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Chuẩn bị bề mặt: Làm sạch bề mặt bằng phương pháp mài, đảm bảo bê tông không có các khuyết tật. Sau đó phun nước rửa sạch bụi bẩn, tạp chất.

Pha trộn: Cho thành phần lỏng vào thùng trước, rồi từ từ cho thành phần bột vào. Trộn trong vòng 3 phút cho tới khi hỗn hợp đồng nhất.

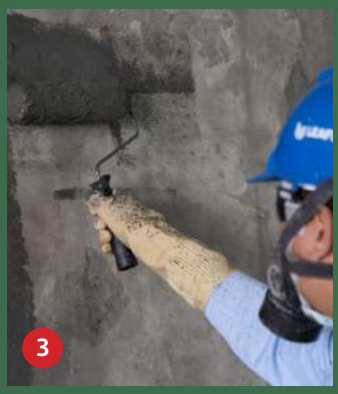

Thi công bằng rulô hoặc phun bằng máy áp lực: Định mức phải đảm bảo 0.8kg/m²/lớp.

Bảo dưỡng: tưới nước bảo dưỡng sau khi thi công 24 giờ và liên tục trong 72 giờ.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	KẾT QUẢ
Không áp lực nước (BS EN 12390:2012)	5 Bar trong 72h
Dạng	Bột
Màu sắc	Xám
Tỉ trọng	1.36 – 1.4 kg/lít
Thời gian sử dụng	> 40 phút

Keo dán gạch gốc polymer cải tiến

LEAFSEAL TA001 Neo, TA002 Neo & TA002-S1

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal TA là sản phẩm keo dán gạch gốc xi-măng polymer cải tiến, dùng để ốp/lát gạch, đá trên bề mặt tường tô bằng vữa xi- măng, sàn bê-tông hoặc sàn đã cán vữa.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

TA001 Neo - Cấp C1:
- Trong nhà.
- Dùng cho gạch có kích thước nhỏ hơn 800x800.
- Khu vực ẩm ướt: phòng tắm, nhà bếp, ban công, logia...

TA002 Neo - Cấp C2:
- Trong nhà, ngoài trời.
- Dùng cho gạch có nhiều khổ kích thước khác nhau.
- Khu vực ẩm ướt: phòng tắm, nhà bếp, ban công, logia...

TA002 Neo + LeafSeal AD655
- Hồ bơi, đài phun nước, thác nước...

TA002 - S1 - Cấp C2S1
- Khu vực có rung động, tường lắp ghép, bề mặt tấm cement-board.

THỜI HẠN VÀ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

12 tháng **3kg/m²/2mm** khi sử dụng bay răng cưa có rãnh

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Cường độ bám dính sau khi gia nhiệt và ngâm nước (ISO 13007-2 :2004):

TA001 Neo $\geq$ 0.5N/mm² **TA002 Neo, TA002 S1** $\geq$ 1.0N/mm²

Độ biến dạng ngang

TA002 - S1 $\geq$ 2.5mm

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Dùng máy trộn cầm tay trộn với tỉ lệ nước/bột từ 0,2 – 0,24% (khoảng 5.0 đến 6.0 lít nước cho một bao bột 25kg).

Trải lớp keo mỏng mặt sau gạch.

Sử dụng bay răng cưa thích hợp có rãnh **10x10x10mm** trải đều keo xuống nền hoặc lên tường.

Thời gian ốp lát gạch sau khi trải keo không được vượt quá 20 phút.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thí nghiệm xác định theo TCVN 7899-2:2008 hoặc ISO 13007-2:2004.

Dạng	Keo TA001 Neo	Keo TA002	Keo TA002-S1
Màu sắc	Màu xám hoặc trắng ngà		
Tỉ trọng	1.45 kg/lít		
Cường độ bám dính sau 28 ngày	≥ 0.5 N/mm^2	≥ 1.0 N/mm^2	≥ 1.0 N/mm^2
Cường độ bám dính sau khi ngâm nước	≥ 0.5 N/mm^2	≥ 1.0 N/mm^2	≥ 1.0 N/mm^2
Cường độ bám dính sau khi gia nhiệt	≥ 0.5 N/mm^2	≥ 1.0 N/mm^2	≥ 1.0 N/mm^2
Thời gian sử dụng được sau khi pha trộn	1 giờ		
Pha trộn với nước	5 - 6 lít nước/bao 25kg		
Thời gian cho phép thi công sau khi trát lên bề mặt	Khoảng 20 phút		
Độ biến dạng ngang	-	-	≥ 2.5 mm

Bột chà ron màu cho gạch và đá

LEAFSEAL TG020 - TG021
LEAFSEAL TG030 - TG031
LEAFSEAL TG040 - TG041

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal TG là bột chà ron gốc xi-măng tăng cường polymer, dùng cho tất cả các loại gạch men, gạch bóng kính, gạch gốm, đá tự nhiên, đá nhân tạo... với chiều rộng ron lên đến 15mm.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Trong nhà và ngoài trời.
- Sàn và vách.
- Phù hợp với hầu hết các loại gạch, đá: gạch men, gạch tàu, gạch đất nung, gạch gốm, gạch bóng kính, đá tự nhiên, đá nhân tạo...
- TG020, TG030, TG040 dùng cho ron rộng 1.5 - 5mm và TG021, TG031, TG041 cốt liệu lớn dùng cho ron rộng từ 5-15mm

THỜI HẠN SỬ DỤNG

12 tháng

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Cường độ nén	Cường độ uốn
> 15N/mm²	> 2.5N/mm²

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Vệ sinh đường ron.

Pha trộn: Cho nước vào trước, từ từ cho bột vào, trộn đều trong 2 phút với tỉ lệ 1:1 (330ml nước : 1 kg bột).

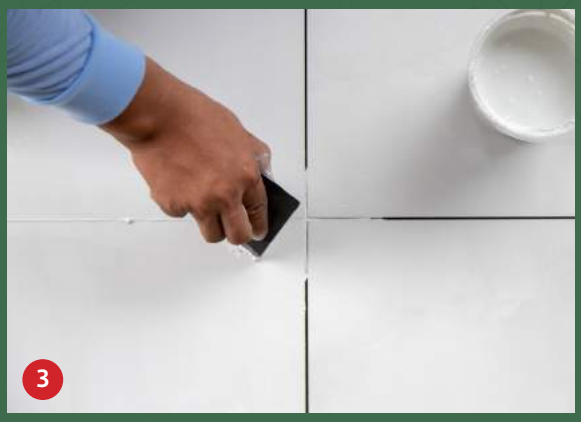

Trít ron bằng bay cao su.

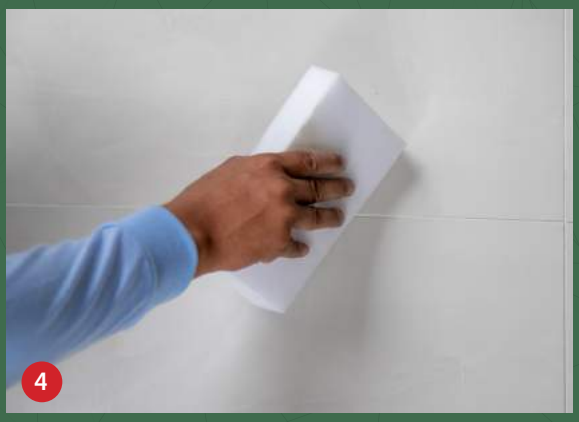

Dùng bọt biển thấm nước lau bóng và sạch lại đường ron (sau 15-20 phút).

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

	TG020-021	TG030-031	TG040-041
Dạng	Bột khô, mịn		
Trọng lượng ướt	1.65 kg/lít		
Thời gian cho phép thi công sau khi trộn	30 phút		
Thời gian bắt đầu đóng rắn	45 phút		
Khô hoàn toàn	24 giờ		
Cường độ chịu uốn	>2.5 N/mm^2	>2.5 N/mm^2	>2.5 N/mm^2
Cường độ chịu nén	>15 N/mm^2	>15 N/mm^2	>15 N/mm^2
Độ chịu mài mòn	<2000 mm^3	<1000 mm^3	<1000 mm^3
Độ co ngót sau 28 ngày	<3 mm/m	<2mm/m	<2mm/m
Độ hút nước sau 30 phút	<5g	<2g	<2g
Độ hút nước sau 240 phút	<10g	<5g	<5g
Kháng rêu mốc	Không	Không	Có

Phụ gia dùng cho vữa và lớp láng

LEAFSEAL LATEX AD655

MÔ TẢ SẢN PHẨM

Phụ gia AD655 là phụ gia latex dạng lỏng tăng cường khả năng bám dính kháng nứt và chịu uốn cho vữa xây dựng.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Lớp lót kết nối bê tông cũ và bê tông mới (lớp vật liệu kết nối).
- Phụ gia lỏng chống thấm cho vữa.
- Phụ gia lỏng cho vữa tô trát và vữa cán nền.

THỜI HẠN SỬ DỤNG

12 tháng

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Hàm lượng rắn

≥ 21%

Nồng độ pH

9-11

Tỉ lệ pha loãng AD655 với nước

- Hồ dầu latex: 1 lít AD655 + 1 lít nước + 2kg xi măng .
- Vữa latex:
  + Xi măng : cát = 1 : 3 (1)
  + AD655 : nước = 1 : 3 (2)
  + Rót hỗn hợp (2) vào hỗn hợp (1) cho đến khi đạt độ sệt thích hợp.

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Vữa latex:
Trộn theo tỷ lệ khuyến cáo, rồi dùng máy trộn đều hỗn hợp trong 3 phút

Tưới hồ dầu latex lên bề mặt bê tông cũ trước khi tiến hành đổ lớp bê tông mới để tạo liên kết.

Vữa latex còn được dùng để chèn kín các khe hở phía bên ngoài nhà.

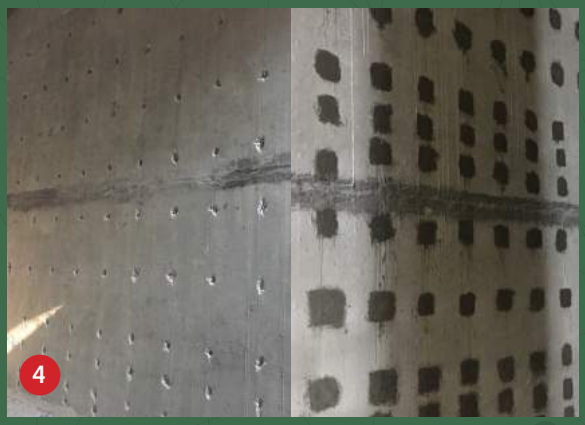

Đục sâu 3cm và cắt xử lý ty la kết cấu. Sau đó, sử dụng vữa latex xử lý lỗ ty và lỗ la.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màu sắc và dạng	Chất lỏng, nhớt, màu trắng
Trọng lượng riêng	1.02 kg/ lít
Độ pH	9-11
Cháy nổ	Không
Thời gian khô ở 30°C	Khoảng 30 phút
Kháng ẩm	Tốt
Chống lão hóa	Tốt
Chống muối và kiềm	Tốt

Vữa bù co ngót

LEAFSEAL BC010, BC010A, BC011, BC012

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal BC là vữa bù co ngót dạng khô trộn sẵn, chỉ cần pha thêm nước để tạo ra hỗn hợp vữa đồng nhất có độ chảy cao, có thể dùng bơm hoặc rót.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Sửa chữa bê tông, đổ chèn cổ ống, lỗ xuyên sàn.
- Móng cho máy, các thiết bị nặng.
- Neo bu lông của thiết bị cơ khí, vì kèo kim loại.
- Rót chân cột nhà thép tiền chế và các khe nối.
- Chèn kín khe hở giữa bê tông kết cấu và bê tông đúc sẵn.

THỜI HẠN SỬ DỤNG

06 tháng

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Sự thay đổi thể tích	Cường độ nén 28 ngày	Độ chảy
+0.2%	$\geq$ 40N/mm^2	25-32cm

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Vệ sinh bằng máy nén khí phun sạch bụi vị trí cần triển khai đổ vữa bù co ngót.

Đổ 80% lượng nước vào thùng (80% ~3 lít), cho bột từ từ vào và trộn đều đến khi tạo thành hỗn hợp dẻo. Cuối cùng cho phần nước còn lại vào và trộn đều.

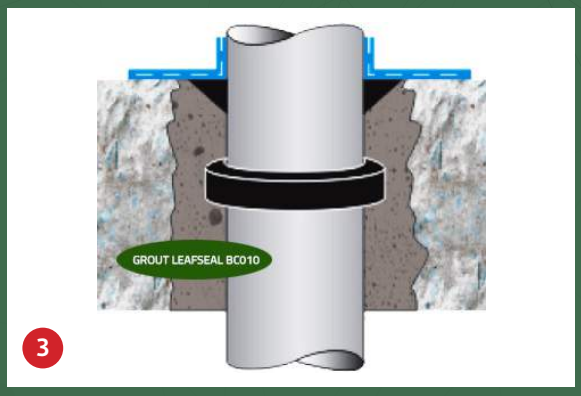

Rót cổ ống phễu thoát sàn trong toilet.

Rót vữa bù co ngót cho đế chân cột nhà thép, neo bu lông, bệ máy và bệ móng.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

SẢN PHẨM		BC010	BC010A	BC011	BC012
Độ chảy	ASTM C1437 không gõ	25 – 32 cm			
Lượng nước sử dụng		14 – 16%			
Cường độ nén 7 ngày 28 ngày	ASTM C942-10	 ≥ 30 N/mm² ≥ 40 N/mm²	 ≥ 40 N/mm² ≥ 60 N/mm²	Phát triển cường độ nhanh ≥ 53 N/mm² ≥ 70 N/mm²	 ≥ 60 N/mm² ≥ 80 N/mm²
Độ giãn nở	ASTM C940	≥ 0.1%			
Bắt đầu đóng rắn		≥ 180 phút			
Đóng rắn hoàn toàn		≤ 600 phút			

Vữa hoàn thiện bề mặt (Base skimcoat)

LEAFSEAL BC016 IN, BC016W

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal BC016 là bột trát phủ hoàn thiện cải tiến polymer gốc xi măng phù hợp với nhiều bề mặt trát vữa, cấu kiện trần đúc sẵn và các bề mặt bê tông cả trong và ngoài nhà. Sản phẩm có màu xám và màu trắng.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Leafseal BC016 được đề nghị sử dụng với tất cả các bề mặt bê tông như trần nhà lắp ghép, panel nhẹ, tường, cột, dầm và ứng dụng tuyệt vời cho khối bê tông xốp nhẹ, khối gạch block và bề mặt vữa tô
- Leafseal BC016IN: sử dụng cho khu vực trong nhà
- Leafseal BC016W: sử dụng cho khu vực trong và ngoài nhà

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Độ cứng bề mặt sau 7 ngày

≥ 0.12 Mpa

Thông số	BC 016IN	BC016W
Cường độ nén 28 ngày	>7N/mm^2	≥10N/mm^2
Cường độ bám dính	≥0.35N/mm^2	≥0.45N/mm^2

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Chuẩn bị bề mặt: loại bỏ bụi bẩn, dầu mỡ, tạp chất. Nên rửa sạch bề mặt một ngày trước khi trát. Làm ướt bề mặt trước khi thi công.

Pha trộn: Trộn 25 kg vữa với 7.8 đến 9.0 lít nước trong khoảng 3 - 5 phút đến khi đạt được độ dính đồng nhất là có thể thi công.

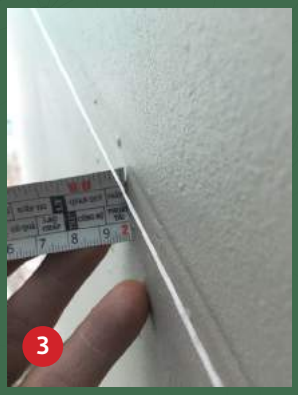

Ghém tường: triển khai công tác ghém, kiểm soát độ phẳng của tường bằng dây và băng keo 2 mặt trước khi thi công.

Thi công bằng bàn xoa lên bề mặt, thời gian cho thi công khoảng 60 phút. Không bổ sung thêm nước vào hỗn hợp.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

	BC016IN	BC016W
Tỉ lệ nước/bột	30 ÷ 35% (hoặc 7.5 ÷ 8.5 lít cho bao 25kg	
Màu sắc	Xám hoặc trắng	
Cường độ bám dính (TCVN 7239:2014)	≥ 0.35 N/mm^2 (Đối với điều kiện thí nghiệm chuẩn)	≥ 0.45 N/mm^2
Độ giữ nước (TCVN 7239:2014)	≥ 98 %	
Cường độ nén (BS EN 1015-11 : 99)	≥ 7 N/mm^2	≥ 10 N/mm^2
Độ cứng bề mặt sau 7 ngày (TCVN 7239:2014)	> 0.12 Mpa	
Thời gian đông kết (TCVN 6017 :1995)	Bắt đầu: > 110 phút. Kết thúc: < 450 phút	
Độ sệt ổn định	Độ sệt vữa đồng nhất	
Chất kết dính	Xi măng	
Chất độn	Canxi cacbonat chọn lọc	
Phụ gia	Polymer dễ thi công, giữ nước và bám dính	

Vữa sửa chữa bề mặt
LEAFSEAL BC014

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal BC014 là vữa sửa chữa bù co ngót gốc xi măng cải tiến polymer rất thích hợp cho ứng dụng trám, trét sửa chữa bề mặt, chỉ cần trộn thêm nước là sử dụng được ngay. Sản phẩm cho vữa dẻo và không chảy sệ, cường độ bám dính cao.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Sửa chữa bê tông, gia công định hình, vật liệu chèn sửa chữa bề mặt cho bê tông đúc sẵn và sàn bê tông chịu tải trọng hạng trung.

THỜI HẠN SỬ DỤNG

12 tháng

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Tính ổn định	Cường độ nén 28 ngày	Cường độ bám dính
Vữa dày không chảy	$\geq 40 N/mm^2$	$\geq 1.0 N/mm^2$

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Chuẩn bị bề mặt: Đảm bảo bề mặt rắn chắc và sạch, mài tạo nhám, phun áp lực loại bỏ bong tróc.

Pha trộn: : nước/bột là 0.13 – 0.15 (tương đương 3.3 – 3.8 lít nước trên bao bột 25 kg), nên trộn bằng máy trộn vữa chuyên dụng.

Tạo ẩm bề mặt bê tông trước khi thi công, lưu ý phải làm sạch toàn bộ nước thừa trên bề mặt bê tông trước khi thi công vữa.

Ép chặt vữa vào vị trí bằng bay hoặc mặt của bàn xoa gỗ hoặc thép.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tỉ lệ nước/bột	0.13 – 0.15 (hoặc 3.3 - 3.8 lít nước /25 kg)	
Tính ổn định	Vữa dày không chảy	
Độ dày mỗi lớp thi công	- Tối thiểu: 5mm - Tối đa: 30mm	
Thời gian thi công	30 phút ở 27^{0}C, 65%RH	
Thời gian bắt đầu đông kết		≥ 90 phút
Thời gian kết thúc đông kết		≤ 450 phút
Cường độ nén 1 ngày **Cường độ nén 28 ngày**	ASTM C942 - 10	≥ 10 N/mm^2 ≥ 40 N/mm^2
Cường độ bám dính (trên nền bê tông)	ASTM D7234	≥ 1.0 N/mm^2

Vữa bù co ngót cho khung cửa nhôm

LEAFSEAL BC030

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal BC030 là hỗn hợp ở dạng bột khô đã được trộn sẵn, chỉ cần pha thêm nước để tạo ra hỗn hợp vữa đồng nhất không co ngót cho ứng dụng rót hoặc bơm.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Lấp đầy lỗ hổng giữa khung cửa nhôm và bê tông/gạch.

THỜI HẠN SỬ DỤNG

06 tháng

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Cường độ nén 28 ngày

$\geq$ 20N/mm^2

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Chuẩn bị bề mặt: Loại bỏ các phần bê tông yếu trên, làm ẩm trước khi thi công. Khe hở giữa tường gạch và khung nhôm 15-25 mm.

Pha trộn: tỉ lệ nước/bột từ 13 – 18% (khoảng 3.3 – 4.5 lít nước cho 1 bao bột 25kg.

Bơm vữa bù co ngót BC030 vị trí khe giữa khung cửa và tường bằng súng chuyên dụng.

Hoàn thiện mặt ngoài nhà vị trí đã bơm kín vữa bù co ngót BC030 bằng vữa latex AD655.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Lượng nước sử dụng		12 – 15%
Cường độ nén 7 ngày **Cường độ nén 28 ngày**	ASTM C942 - 10	≥ 10 N/mm² ≥ 20 N/mm²
Thời gian đóng rắn		
Bắt đầu đóng rắn		≥ 110 phút
Đóng rắn hoàn toàn		≤ 360 phút

Chất tăng cứng bề mặt
LEAFSEAL F600

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal F600 là chất tăng cứng bề mặt bê tông dạng bột gốc xi măng (không chứa kim loại), được sử dụng khi bê tông còn ướt.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Tăng cứng bề mặt nền nhà công nghiệp: nhà ga, nhà kho, nhà máy...
- Tăng cứng bề mặt nền nhà dân dụng: bãi xe, nhà kho...

THỜI HẠN VÀ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

12 tháng

3.0 - 4.0 kg/m2

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Độ cứng Mohs (cốt liệu)

4- 6

Thời gian đưa vào hoạt động

Sau 7 ngày

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Đổ bê tông: Ứng dụng các sản phẩm cải tiến mới trong công tác kiểm soát cao độ khi đổ bê tông.

Rải hardener F600: Chia thành các ô sàn nhỏ để tiến hành rải lớp thứ nhất sau khi bê tông hơi ráo. Sau khi rải xong lớp thứ nhất, rải ngay lớp thứ hai.

Xoa nền: nếu yêu cầu bề mặt bóng loáng thì xoa thật nhiều lần hoặc đánh bóng lưỡi xoa trước khi xoa.

Bảo dưỡng bề mặt: ngay sau khi xoa hoàn thiện bằng cách phun sương, phủ nilon hoặc sử dụng chất bảo dưỡng thích hợp.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Dạng	Bột xám hoặc trắng
Khối lượng thể tích (đổ đống)	1.67 kg/lít
Độ cứng thang Mohs (cốt liệu)	4 - 6
Thời hạn đưa vào sử dụng: **- Đi bộ** **- Tải trọng nhẹ** **- Lưu thông bình thường** *** Tuy nhiên phụ thuộc điều kiện thi công và loại xi măng của bê tông sàn.**	 2 – 3 ngày 7 – 10 ngày 28 ngày

Chất lỏng tăng cứng mặt sàn bê tông

LEAFSEAL F601 (Sodium) F603 (Lithium Silicate)

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal F601 là chất lỏng trộn sẵn gốc nước, trong suốt, làm gia tăng dộ cứng nhờ hoạt hóa thẩm thấu vào bê tông.

Leafseal F603 là hợp chất tăng cứng mặt sàn gốc lithium silicate cải tiến, không VOC, thân thiện với môi trường. Sản phẩm này được thiết kế, thi công trên bề mặt sàn bê tông để chống lại sự ma sát của bánh xe cao su và bộ hành với mật độ cao.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- **LeafSeal F601:** Ứng dụng bất kỳ trên bề mặt nền xi măng, không giới hạn như: bê tông, đá mài, gạch bê tông, thạch cao, vữa trát hoặc vữa. Khu vực phổ biến: kho hàng, kho chứa, kho lưu trữ, nhà máy sản xuất.
- **LeafSeal F603**: sử dụng cho sàn bê tông có độ bóng lâu bền như: siêu thị, trung tâm phân phối, phòng trưng bày, nhà máy, xưởng dịch vụ ô tô, cơ sở sản xuất, trung tâm thương mại.

THỜI HẠN VÀ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

24 tháng

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Độ cứng Mohs (cốt liệu):

6 (F601) – 7 (F603)

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Mài nền: sử dụng máy mài sàn, mài loại bỏ lớp nước hồ yếu trên bề mặt bê tông

Tiến hành phun LeafSeal F603 lớp thứ nhất ▸ Sau khi lớp thứ nhất thẩm thấu hoàn toàn, tiến hành phun lớp thứ 2.

Thi công đánh bóng: Sau khi phun lớp thứ 2, để qua 1 ngày rồi tiến hành công tác đánh bóng.

Độ bóng: sản phẩm F603 đem lại độ bóng cao, tuy nhiên phụ thuộc theo cấp độ bóng yêu cầu của từng loại sàn.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Đặc tính	LeafSeal F601	LeafSeal F603
Gốc sản phẩm	Hỗn hợp gốc sodium	Dung dịch lithium silicate cải tiến
Ngoại quan	Dạng lỏng, trong suốt không màu	
Mùi	Không mùi	
Tỷ trọng	1.20 kg/liter	
Khả năng cháy nổ	Là chất không gây cháy	
Độ cứng Mohns	6	7
Kháng mài mòn	Gia tăng 30% đối với bê tông C25	Gia tăng 40% đối với bê tông C25
Độ bóng	Độ bóng tăng từ 4.5 GU đến hơn 76 GU sau khi đã phủ bóng	
Mật độ phủ	Từ 5m^2 - 8m^2/lít, phụ thuộc vào độ hút của bề mặt bê tông	Từ 10m^2 - 20m^2/lít, phụ thuộc vào độ hút của bề mặt bê tông

Lớp phủ Epoxy 2 thành phần gốc nước

LEAFSEAL F210

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal F210 là sơn phủ epoxy gốc nước hai thành phần chất lượng cao, dễ lau chùi, có khả năng chống chịu nhiều loại dầu mỡ, hóa chất công nghiệp, cùng khả năng bám dính lên sàn bê tông, sàn láng vữa xi măng rất tốt.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Thích hợp cho tường/sàn trong garage, sàn nhà công nghiệp nhẹ, kho bãi, bếp hoặc những nơi có người đi lại, thiết bị nhẹ di chuyển.

- Ngoài ra được khuyên dùng làm lớp phủ ngăn nước trên bề mặt cho khu vực chứa nước như bể cá, bể chứa rác, bể tự hoại, bể chứa nước thải dân dụng...

THỜI HẠN VÀ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

12 tháng

6-8m²/kg/lớp cho bề mặt sàn bê tông
4m²/kg/lớp cho khu vực bể xử lý

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Độ bám dính với bê tông

> 1.5N/mm²

Có khả năng kháng hóa chất, dầu mỡ

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Chuẩn bị bề mặt: Mặt bê tông phải rắn chắc, sạch và không bụi bẩn, tạp chất, phải được xử lý bằng biện pháp cơ học (băm, mài,...)

Pha trộn: Trộn phần A (chất lỏng) bằng máy trộn thích hợp trong 30 giây. Cho từ từ phần B (chất đóng rắn) vào và trộn trong 2 phút.
Phần A : Phần B = 4 : 1

Thi công lớp lót: Sơn lót bằng LeafSeal F200 hoặc LeafSeal F100 với định mức 5-6 m^2/kg/lớp.

Thi công: thi công 2 lớp bằng cọ lăn với định mức 6-8m^2/kg/lớp 1 và 4 m^2/kg/lớp 2 với kết cấu chứa nước.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

ĐẶC TÍNH	GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU
Màu tiêu chuẩn	RAL K5 Classic
Số lớp thi công	2
Tỉ trọng (ở 28°C) (hỗn hợp)	1.25 ± 0.05 g/cm^3
Khả năng kháng hóa chất	Có
Cường độ bám dính	>1.5 Mpa (bê tông vỡ)
Độ bám dính	Điểm 1
Tỉ lệ pha trộn	4 : 1 theo khối lượng
Thời gian còn dùng được sau khi trộn (30°C)	30 phút
Phủ lớp kế tiếp (30°C)	Khoảng 4 đến 6 giờ
Đóng gói	20kg
Chiều dày màng sơn khi khô (DFT)	50µm/lớp

Lớp phủ Epoxy 2 thành phần gốc phi dung môi

LEAFSEAL F310

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal F310 là sản phẩm được thiết kế đặc biệt có khả năng kháng hóa chất và chịu mài mòn cao, dành cho những khu vực giao thông thấp hoặc giao thông cao. Lớp phủ epoxy hai thành phần gốc phi dung môi có nhiều màu sắc để chọn lựa.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Dùng cho các khu vực giao thông nhẹ những nơi mà sàn phải chịu tải trọng của xe kéo (pallet truck), xe đẩy, các khu vực nâng/hạ, chỗ đậu xe, phòng thí nghiệm, phòng sạch, phòng điện tử, xưởng lắp ráp tự động, khoang chứa máy bay, gara, xưởng sản xuất dược phẩm, bột giấy, các nhà máy nghiền, nhà máy lọc dầu hoặc các nhà máy công nghiệp/ khu vực sử dụng khác có yêu cầu kháng hóa chất và mài mòn.

THỜI HẠN VÀ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

12 tháng **5-6m²/kg/lớp**

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Độ bám dính với bê tông

>1.5N/mm²

Cường độ nén

>50N/mm²

Có khả năng kháng hóa chất tốt

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Chuẩn bị bề mặt: Mặt bê tông phải rắn chắc, sạch và không bụi bẩn, tạp chất, phải được xử lý bằng biện pháp cơ học (băm, mài,...)

Pha trộn: Trộn phần A (chất lỏng) bằng máy trộn thích hợp trong 30 giây. Cho từ từ phần B (chất đóng rắn) vào và trộn trong 2 phút. Phần A : Phần B = 4 : 1.

Thi công lớp lót: Sơn lót bằng Leafseal F300 hoặc LeafSeal F200, định mức 5-6 m^2/kg/lớp.

Thi công: thi công 2 lớp bằng cọ lăn với định mức 5-6 m^2/kg/lớp

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màu tiêu chuẩn	RAL K5 Classic
Số lớp thi công	2
Tỉ trọng (ở 28°C) (hỗn hợp)	1.35 ± 0.05 g/cm^3
Khả năng kháng hóa chất	Có
Cường độ bám dính	>1.5 Mpa (bê tông vỡ)
Tỉ lệ pha trộn	4 : 1 theo trọng lượng
Thời gian còn dùng được sau khi trộn (30°C)	40 phút
Chịu nhiệt độ	Tối đa 70°C
Cường độ chịu nén (28 ngày)	50 MPa
Cường độ chịu uốn	30 MPa
Hoàn thiện	Gloss
Chiều dày màng sơn khi khô (DFT)	100 µm/lớp

Sơn phủ Epoxy tự san phẳng

LEAFSEAL F410

MÔ TẢ SẢN PHẨM

LeafSeal F410 là lớp phủ epoxy hai thành phần, tự san phẳng. Sử dụng làm lớp hoàn thiện dày 1.0mm - 3mm cho các loại sàn công nghiệp. Sản phẩm làm cho sàn sạch bụi, ít mối nối, kháng nhiều loại hóa chất, chịu mài mòn tốt, tạo bề mặt bóng cho sàn và nhiều màu sắc để chọn lựa.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

Ứng dụng cho các khu vực giao thông nhẹ - những nơi mà sàn phải chịu tải trọng của xe kéo (pallet truck), xe đẩy, các khu vực nâng/hạ, chỗ đậu xe, phòng thí nghiệm, phòng sạch, phòng điện tử, xưởng lắp ráp tự động, khoang chứa máy bay, gara, các nhà máy nghiền, nhà máy lọc dầu hoặc các nhà máy công nghiệp/khu vực sử dụng khác có yêu cầu kháng hóa chất và mài mòn.

THỜI HẠN VÀ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

12 tháng **1.5kg/m²/mm (dày)**

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

Cường độ nén	Độ bám dính với bê tông	Độ cứng Shore D
≥40N/mm²	≥1.5N/mm²	70

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Chuẩn bị bề mặt: Mặt bê tông phải rắn chắc, sạch và không bụi bẩn, tạp chất, phải được xử lý bằng biện pháp cơ học (băm, mài...)

Pha trộn: Trộn phần A với máy trộn cầm tay trong 30 giây. Cho từ từ phần B (chất đóng rắn) vào và trộn trong 2 phút đến khi đạt được hỗn hợp đồng nhất. Tỉ lệ pha trộn theo khối lượng Phần A : Phần B = 4 :1

Thi công lớp lót: Sơn lót bằng LeafSeal F400 định mức 0.5 – 1.0 m^2/kg/mm (dày).

Thi công: Sau khi lớp lót khô 5-6 giờ, tiến hành thi công LeafSeal F410 bằng bay răng lược, định mức 1.4 kg/m^2/mm (dày)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

ĐẶC TÍNH	GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU
Màu tiêu chuẩn	RAL K5 Classic
Tỉ trọng (ở 28°C) (hỗn hợp)	1.45 ± 0.05 g/cm^2
Cường độ bám dính	> 1.5 MPa (bê tông vỡ)
Cường độ nén (28 ngày)	40 MPa
Cường độ uốn	20 MPa
Tỉ lệ pha trộn	4 : 1 theo khối lượng
Đóng gói	20kg
Thời gian còn dùng được sau khi trộn (30°C)	30 phút
Chịu nhiệt độ	Lên tới 70°C

Các dự án sử dụng sản phẩm LeafSeal

TÊN DỰ ÁN	QUY MÔ	NHÀ THẦU CHÍNH	CHỦ ĐẦU TƯ
LANDMARK 81	24 ha	Coteccons	VinGroup
VINFAST	335 ha	Coteccons	VinGroup
VIETCOMBANK TOWER	3322 m^2	Cofico	Vietcombank
VIETTEL CMT8	112.200 m^2	Coteccons	Viettel
VĨNH HƯNG T&T	23 tầng, 2 trung tâm thương mại, 610 căn hộ	Coteccons	T&T Group
AN GIA SKYLINE	480 căn hộ	Ricons	An Gia Investment
THE GOLDVIEW	26.4 ha 02 tòa tháp, 1905 căn hộ	Coteccons	May Diêm Sài Gòn
VINHOMES CENTRAL PARK	44 ha	Coteccons	VinGroup
DIAMOND LOTUS RIVERSIDE	1.6 ha	Coteccons	Phúc Khang Mitsubishi Corportion
GOLDMARK CITY	12.7 ha, 09 tòa 40 tầng, 5000 căn hộ	Coteccons	TNR Holding
LEXINGTON RESIDENCE	17.5 ha	Coteccons	NovaLand Group
MASTERI THẢO ĐIỀN THÁP CT1 - CT5	5.5 ha	Coteccons	Thảo Điền Investment Group
ĐẠI QUANG MINH	46 ha	Coteccons	Đại Quang Minh Group
VINHOME GREEN BAY	3 tòa 44 tầng	Coteccons	VinGroup
LUCASTA VILLA KHANG ĐIỀN	8.2 ha	Coteccons	Khang Điền Investment
D'CAPITALE	5.3 ha	Unicons	Tân Hoàng Minh Group
MASTERI VILLAS	24.2 ha	Coteccons	Techcom Developer

TÊN DỰ ÁN	QUY MÔ	NHÀ THẦU CHÍNH	CHỦ ĐẦU TƯ
MỸ ĐÌNH PLAZA	5.000 m^2, 472 căn hộ	Ricons	Hà Nội ECI JSC
ECOPARK	5 tòa nhà 20-25 tầng	Coteccons	Vihajico
BIG C NHA TRANG	2.1 ha	An Phong	Big C
VINCOM BẢO LỘC	16,000 m^2	Unicons	VinGroup
SC VIVO CITY	7.2 ha	Coteccons	Vietsin JSC
SANOFI FACTORY	3.4 ha	Unicons	Sanofi
TRUNG TÂM DỮ LIỆU DỰ PHÒNG HOSE	16 ha	Coteccons	HOSE
ESSILOR LÀO	2 ha	Coteccons	Essilor Group
GAIN LUCKY	30 ha	Unicons	Shenzhou Group
DIELAC - VINAMILK	6 ha	Coteccons	Vinamilk
ZHAO FENG FACTORY	56,000 m^2	Ricons	Zhao Feng Vietnam
BROTEX	50 ha	Coteccons	Brotex China
FIRST TEAM PHASE II	03 nhà xưởng 04 tầng 04 nhà xe và các hạng mục phụ trợ	Coteccons	Nameson Group
FOREST IN THE SKY FLAMINGO ĐẠI LÃI	123 ha	FDC	Flamingo Group
CASINO NAM HỘI AN	1000 ha	Coteccons	Vina Capital & Chow Tai Fok & The Sun City Group

LEAFSEAL
Green Material. Green Life

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ GIẢI PHÁP SOL

31 Lý Văn Phức, P. Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
(+84 28) 3820 7127
www.solmc.vn
contact@solmc.vn